

Thực trạng

Trong những năm qua, chính sách thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Nam đã đem lại những kết quả bước đầu, nhiều tập đoàn lớn, nhiều công ty, nhiều dự án đầu tư đã và đang triển khai thực hiện. Theo đó, có nhiều tổ chức, cá nhân người nước ngoài đến Việt Nam hợp tác làm ăn thông qua việc cung cấp vật tư, máy móc và các dịch vụ cho các dự án này, từ đó phát sinh doanh thu, thu nhập tại Việt Nam. Theo Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11/01/2005 và Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính thì các khoản doanh thu, thu nhập của các tổ chức, cá nhân người nước ngoài có được khi tham gia hợp tác làm ăn tại Việt Nam đều thuộc đối tượng điều chỉnh của sắc thuế nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam.

Thời gian gần đây, UBND tỉnh Quảng Nam đã phê duyệt quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn, gồm 33 dự án thủy điện, trong đó có 05 dự án đã phát điện thương mại, 04 dự án đã khởi công xây dựng; 11 dự án đã thẩm định thiết kế cơ sở, 13 dự án đang lập dự án đầu tư, ngoài ra còn 10 dự án thủy điện lớn đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt chuẩn bị đầu tư trên địa bàn. Các dự án sản xuất kinh doanh lớn khác ở các ngành sản xuất, dịch vụ, khách sạn cũng đang được triển khai mạnh ở Khu kinh tế mở Chu Lai và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hầu hết các dự án thủy điện và các dự án đầu tư sản xuất lớn đều phải nhập khẩu máy móc, thiết bị và nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài để hình thành tài sản cố định; Các dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị, vận tải... của nhà thầu nước ngoài đang được thực hiện rộng khắp. Đây là mảnh đất màu mỡ để khai thác tăng thu cho NSNN, trong đó thuế nhà thầu với số thu dự kiến lớn, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng thu ngân sách trên địa bàn



Quản lý thuế nhà thầu: Kinh nghiệm ở Quảng Nam

 **THÁI ĐÌNH QUÝ**

Tuy nhiên, cũng thời gian qua, công tác quản lý thu thuế trong lĩnh vực này còn nhiều khiếm khuyết cả về phía cơ quan thuế và NNT. Người nộp thuế chưa nắm bắt được các quy định về thuế nhà thầu, nên khi phát sinh thuế phải nộp còn lúng túng, chậm kê khai, không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ, quyết toán thuế khi kết thúc hợp đồng thầu còn chậm. Cơ quan thuế do không có nhiều thông tin về số lượng nhà thầu, hợp đồng thầu, các hình thức thanh toán, tiến độ thanh toán, thời gian kết thúc hợp đồng thầu..., nên không kịp thời hướng dẫn đơn vị kê khai thuế nhà thầu sát với thực tế, chưa chủ động tìm ra biện pháp quản lý thuế thích hợp, nhằm giúp cho các tổ chức, cá nhân đầu tư liên quan đến lĩnh vực này thực hiện đúng chính sách thuế của Nhà nước.

Giải pháp

Nhận thức được những điểm còn khó khăn vướng mắc, Cục Thuế Quảng Nam đã đổi mới công tác quản lý, áp dụng nhiều giải pháp tích cực vừa phù hợp với Luật Quản lý thuế, vừa phù hợp với thực tiễn địa phương.

Trước hết, trên cơ sở các dự án thủy điện, khách sạn 05 sao, dự án đầu tư sản xuất lớn đang triển khai và các nhà thầu đã đăng ký thuế, Phòng Kiểm tra thuế cử cán bộ liên hệ và nhận các hợp đồng thầu từ Phòng Kê khai và Kế toán thuế để thực hiện phân tích sơ bộ các thông tin trong hợp đồng. Kết hợp các thông tin có được từ phân tích hợp đồng và thông tin đăng ký thuế của nhà thầu, chủ đầu tư, các cán bộ chuyên trách tập hợp lập danh sách các DN có yếu tố nước ngoài theo các tiêu chí: Tên chủ dự án đầu tư, tên nhà thầu (nếu có),



địa chỉ chủ dự án, mã số thuế chủ dự án, mã số thuế nhà thầu, để làm cơ sở nghiên cứu phân tích và thực hiện gửi các thông báo cung cấp thông tin nhằm phục vụ cho việc quản lý thuế nhà thầu.

Bước tiếp theo là, phân tích hồ sơ khai thuế GTGT của các DN có yếu tố nước ngoài và có các nhà thầu đã gửi hợp đồng. So sánh, đối chiếu số liệu hàng nhập khẩu đơn vị đã kê khai với các thông tin trong hợp đồng để yêu cầu DN giải

trình bổ sung hoặc tiến hành kiểm tra tại trụ sở NNT (nếu cần). Căn cứ danh sách các DN có yếu tố nước ngoài (theo mẫu được lập) và thông tin có được từ phân tích hồ sơ khai thuế, Phòng Kiểm tra thuế gửi thông báo cung cấp thông tin đến NNT để thu thập các thông tin ban đầu như: Bản sao hợp đồng, thoả thuận hoặc cam kết giữa đơn vị với nhà thầu nước ngoài, bản tóm tắt hợp đồng bằng tiếng Việt Nam với những chỉ tiêu như phạm vi lãnh thổ cung cấp thiết bị máy móc, giá trị hợp đồng (kể cả phụ lục chi tiết cấu thành giá trị hợp đồng - nếu có), phương thức thanh toán, thời hạn hợp đồng, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia ký hợp đồng; bản thanh lý hợp đồng; bảng kê thanh toán, khai thuế, nộp thuế cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ. Đây là cơ sở để đơn đốc các nhà thầu kê khai thuế, theo dõi tiến độ thanh toán và thực hiện quyết toán khi kết thúc hợp đồng thầu.

Đối với các DN Cục Thuế đã gửi thông báo, nhưng chưa cung cấp số liệu theo yêu cầu thì tiến hành gửi thông báo lần 2. Đối với DN đã gửi thông tin (theo mẫu cung cấp) thì phân tích số liệu nhận được, sau đó tổng hợp các thông tin theo mẫu, gồm các tiêu chí như: tên nhà thầu, mã số thuế, số hợp đồng thầu, giá trị hợp đồng thầu, tổng số

tiền đã thanh toán (chi tiết cho từng lần), số thuế nhà thầu đã kê khai... cho tất cả các nhà thầu. Căn cứ thông tin trong mẫu được lập, cán bộ được phân công chuyên trách thực hiện phân tích, đánh giá, đơn đốc đơn vị kê khai, nộp thuế theo quy định và phù hợp với tiến độ thanh toán của chủ đầu tư.

Nhờ nghiên cứu áp dụng các bước quản lý thuế sát với thực tế nên hiệu quả đạt được rất khả quan. Theo số liệu thống kê, đến tháng 12/2008, Cục Thuế đã quản lý được 83 nhà thầu, tăng 48 nhà thầu so với 06 tháng đầu năm; số thuế đã kê khai và nộp vào NSNN tăng 262% so với 06 tháng đầu năm 2008. Năm 2009, cơ quan thuế Quảng Nam đã quản lý được 93 nhà thầu trên hơn 40 dự án phát sinh; số thuế đã kê khai và nộp vào NSNN tăng 201% so với năm 2008. Riêng 9 tháng đầu năm nay, số thu từ thuế nhà thầu đã gần bằng cả năm 2009. Quan trọng hơn là đã chấn chỉnh và đưa vào nề nếp việc đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở NNT, giảm đáng kể việc chậm kê khai, không kê khai quyết toán khi kết thúc hợp đồng, giúp DN biết rõ chính sách thuế đang áp dụng cũng như lộ trình thực hiện các thủ tục về thuế ■

Đẩy mạnh xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ vào Nhật Bản

Cục Xúc tiến thương mại (bộ Công thương) vừa tổ chức Hội thảo: Đẩy mạnh xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam vào thị trường Nhật Bản, với sự tham gia của đại diện 50 doanh nghiệp.

Đại diện nhà nhập khẩu Nhật Bản đã giới thiệu tiềm năng, xu hướng và văn hóa tiêu dùng cũng như thị hiếu sử dụng đồ thủ công mỹ nghệ của khách hàng Nhật Bản. Các chuyên gia khuyến cáo nhà sản xuất Việt Nam cần quan tâm đến một số vấn đề và yêu cầu quan trọng nhất đối với hàng hóa, gồm: chất lượng, sự đa dạng về mẫu mã, giá cả hợp lý và yêu cầu giao hàng đúng hạn theo hợp đồng. Một số đơn vị làm hàng xuất khẩu của Việt Nam cũng xác nhận, hàng thủ công mỹ nghệ của ta vẫn có nhiều cơ hội và khả năng thâm nhập, tiến tới mở rộng thị phần tại Nhật, do sức mua của thị trường lớn, số lượng người tiêu dùng đông, sự gắn gũi và tương đồng về quan điểm, văn hóa giữa hai nước... Hàng thủ công xuất khẩu của ta chủ yếu là túi xách, đồ gốm, sơn mài, mây tre đan, sản phẩm thêu ren... Được biết, năm 2009, riêng kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng túi xách Việt Nam xuất vào Nhật Bản đạt hơn 7 triệu Yên.



T.D